TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HSST
Ngày: 31- 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Lê Phú Quốc

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thúy An - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

***- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2017/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Phan Quốc Đ (tên gọi khác Cò Đ), sinh năm: 1985 tại huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Thạnh T, xã Thạnh H, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Phan Thành T và bà Trần Thị T**;** Có vợ tên Lê Thị Sao L; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 26/01/2018 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng R xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2018 cho đến nay. Có mặt.

** Người bị hại:* Ông Lê Trung H**,** sinh năm: 1976. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp Trường K A, xã Trường X B, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị Sao L, sinh năm: 1984. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp Thạnh T , xã Thạnh H, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phan Quốc Đ chuyên làm môi giới mua bán lúa (cò lúa) nhiều năm cho nhiều thương lái để hưởng hoa hồng; Trong đó, Đ có nhận cọc của ông Huỳnh Thanh P, ngụ cùng ấp số tiền 160.000.000 đồng vào đầu năm 2018 để đặt cọc mua lúa của các chủ ruộng gồm: Nguyễn Văn T, Lê Văn Nh và Từ Thiện H, ngụ cùng ấp.

Quá trình làm môi giới, Đ nợ nần nhiều người không có khả năng chi trả nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền trả nợ và chi xài cá nhân. Ngày 19/3/2018, Đ nhờ anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn M giới thiệu Đ với ông Lê Trung H để ký hợp đồng bán lúa. Để tạo niềm tin cho ông H, Đ dẫn ông H đến ruộng của ông T, ông N và ông H để ông H xem lúa. Sau khi xem lúa xong, ông H đồng ý ký 02 hợp đồng mua lúa với Đ và đặt cọc 50.000.000 đồng, hẹn ngày 21/3/2018 nhận lúa. Chiều cùng ngày, Đ tiếp tục gọi điện cho ông H thỏa thuận bán lúa thêm và đề nghị đưa thêm tiền cọc. Ông H đồng ý mua và tiếp tục đặt cọc cho Đ 30.000.000 đồng với hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng và đã chuyển khoản thành công. Sau đó, Đ tắt điện thoại, bỏ trốn qua huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang nên ông H không liên lạc được. Đến ngày 21/3/2018, ông H đến ruộng của ông T, ông N và ông H nhận lúa thì không còn, vì các chủ ruộng đã bán lúa cho ông P trước đó. Biết mình bị lừa đảo nên ông H đã trình báo chính quyền địa phương. Quá trình điều tra, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình để lấy tiền chi xài cá nhân.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản của ông H, thông qua việc ký kết hợp đồng dân sự mua bán lúa, bị cáo còn khai nhận nợ của một số người khác với số tiền khoảng 400.000.000đ chưa được quyết toán.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt tạm giam đối với Phan Quốc Đ để điều tra.

Tại bản cáo trạng số: 48/KSĐT - TA ngày 05/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị can Phan Quốc Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Quốc Đ từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Lê Trung H số tiền đã chiếm đoạt là 80.000.000 đồng.

Đối với các khoản nợ bị cáo thiếu người khác, xét thấy không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên sẽ xem xét, xử lý trong vụ án khác.

Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 13/9/2018 cũng như tại phiên tòa, ông H chỉ yêu cầu bị cáo phải hoàn trả 80.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc phạt cọc.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn hối cải vì hành vi phạm tội của mình, xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Quốc Đ đã khai nhận: Do thiếu nợ nhiều người không có khả năng chi trả nên Phan Quốc Đ đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách ký hợp đồng bán lúa với ông Lê Trung H nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo đã phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng ;

. . .

Đối chiếu hành vi của bị cáo với quy định của Bộ luật hình sự đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng R truy tố bị cáo về tội phạm theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản của mình, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian giối để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không những gây thiệt hại tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó. cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại. Do đó có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà lại tiếp tục vi phạm, hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện An Biên xử lý hình sự về hành vi đánh bạc theo quy định của Bộ luật hình sự. Đây là những đặc điểm nhân thân cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với việc bị cáo khai nhận còn nợ của một số người khác thông qua hợp đồng dân sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử xét thấy không có liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án này, đồng thời chưa đủ căn cứ

chứng minh tội phạm khác nên ý kiến của Kiểm sát viên về việc tách ra để giải quyết trong vụ án khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 13/9/2018 và tại phiên tòa ông Lê Trung H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 80.000.000 đồng, không yêu cầu phạt cọc hoặc bồi thường thiệt hại. Yêu cầu của ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự nên được chấp nhận.

Quá trình điều tra, bà Lê Thị Sao L (vợ bị cáo) đã tự nguyện nộp khắc phục là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06882 ngày 28/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Do đó, Bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu là 78.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự giá ngạch là 78.000.000đ x 5% = 3.900.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269, Điều 299, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Quốc Đ (Cò Đ) phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Xử phạt Phan Quốc Đ 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/7/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Lê Trung H 80.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà Lê Thị Sao L đã nộp thay bị cáo là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06882 ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (ông H được nhận 2.000.000 đồng do bà Sao L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng). Bị cáo còn phải hoàn trả cho ông H số tiền còn thiếu là: 78.000.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu đồng*)

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không trả đủ số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Bị cáo Phan Quốc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 3.900.000 đồng (*ba triệu chín trăm nghìn đồng*)

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 31/01/2019. Những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan CSĐT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Lâm